TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HS-ST
Ngày: 17 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bắc.

Ông Lò Văn Chiên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 và ngày 17 tháng 5 năm 2019, Toà án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai tại trụ sở Tòa án, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2019/TLST-HS, ngày 12 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST - HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đồng Văn M**, tên gọi khác: không; sinh năm: 1978; tại xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu; nơi làm việc, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: bản V, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; giới tính: Nam; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Đồng Văn N (đã chết) và bà Đèo Thị C (đã chết); gia đình có 10 anh, chị, em, bị cáo là con thứ mười trong gia đình; bị cáo có vợ là Lò Thị T, sinh năm 1988 trú tại bản Vàng P, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; bị cáo có 03 con (hai con với chị Đèo Thị L đã ly hôn, một con với chị Lò Thị T); bị cáo hiện đang nuôi hai con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016); tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 10/01/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo được triệu tập có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Triệu Tiến B**, tên gọi khác: không; sinh năm: 1969; tại huyện S, tỉnh Lai Châu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu; giới tính: Nam; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Triệu Tiến M (đã chết) và bà Triệu Thị P (đã chết); gia đình có 06 chị, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; bị

cáo có vợ là Giàng Thị X, sinh năm 1971 đã ly hôn và có hai con đều trên 18 tuổi; tiền sự: không; tiền án: 02, bản án số 02/HSST, ngày 25/01/1999 Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai áp dụng Điều 185đ khoản 1 điểm b xử phạt bị cáo Triệu Tiến B 12 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, thời hạn từ tính từ ngày 03/5/1998, năm 2007 bị cáo chấp hành xong; tại bản án số 48/2010/HS-ST, ngày 15/6/2010 của Tòa án nhân dân thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu (nay là Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu) đã áp dụng điểm h,p (tái phạm nguy hiểm) khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Triệu Tiến B 09 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2010, ngày 27 tháng 4 năm 2017 Triệu Tiến B đã chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống với gia đình em trai ở thị trấn S, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2019 đến ngày 10/01/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo được triệu tập có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 03/01/2019, Đồng Văn M, sinh năm 1978, trú tại bản V, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã mua được một gói Heroine và mang về sử dụng hai lần. Sau khi sử dụng xong M để mảnh giấy bạc đã sử dụng ở trên bàn, còn gói Heroine M gói lại như cũ cũng để trên bàn. Khoảng 06 giờ ngày 04/01/2019, Đồng Văn M lấy gói Heroine còn lại ra chia làm hai phần một phần dùng mảnh giấy bạc của bao thuốc lá có sẵn trong nhà gói gấp lại, phần còn lại M gói bằng mảnh giấy trắng có dòng kẻ của gói Heroine cũ gói lại. Đồng Văn M cất vào túi quần bên phải đang mặc trên người để mục đích sử dụng và bán lẻ kiếm lời. Khoảng 07 giờ cùng ngày 04/01/2019, Triệu Tiến B, sinh năm 1969, trú tại thị trấn S, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu một mình từ nhà ở Sìn Hồ đi xe máy đến nhà Đồng Văn M mục đích đòi tiền làm nhà (từ Sìn hồ đi là khoảng 05 giờ đến nhà M là khoảng 07 giờ cùng ngày). Do bản thân có sử dụng ma túy nên B hỏi M có tìm mua được Heroine không, M đáp có và nói đưa tiền đây. B lấy 100.000 đồng đưa cho M, nhận tiền M cất vào túi quần và rủ B đi ăn sáng. Trong lúc B và M đang ăn sáng thì có cuộc gọi vào điện thoại của M, người đó giới thiệu tên là Đ. M và người đàn ông đó trao đổi hẹn nhau ra trước cổng trường mầm non của xã M. Đồng Văn M đồng ý và một mình đi xe máy đến điểm hẹn. B không biết và cũng không được M nói gì về cuộc điện thoại cũng như không biết M đi đâu. Đồng Văn M bán một gói Heroine được gói bằng mảnh giấy trắng có dòng kẻ cho Đ với giá 100.000 đồng, sau đó M quay lại quán tiếp tục ăn sáng cùng B. Đồng Văn M và Triệu Tiến B ăn sáng xong ra xe máy đi về. Cả hai ra đến cửa quán, M quan sát không có người thì lấy gói Heroine được gói bằng giấy bạc của bao thuốc lá đưa cho B. Nhận được gói Heroine B cất vào bao thuốc lá rồi cả hai cùng đi về nhà M. Đến nhà M, B ngồi xem ti vi còn M điều khiển xe máy đi đâu B không biết. Đồng Văn M đi xe máy

đến nhà Pờ Văn D ở bản K, xã Khổng Lào để tìm mua Heroine, trên đường đi M gặp một người dân tộc Dao, khoảng 20 tuổi giống người nghiện ma túy (M không biết họ, tên, địa chỉ) hỏi M có góp chung tiền để người đó đi lấy Heroine hộ không thì M đồng ý đưa cho người này 100.000 đồng và đứng đợi ở đường. Khoảng 15 phút sau người đàn ông đi ra đưa cho M một gói Heroine được gói ngoài bằng mảnh giấy trắng có dòng kẻ màu xanh. Đồng Văn M mua được Heroine thì đi về nhà. Khoảng 09 giờ ngày 04/01/2019, trong lúc M không có nhà B thấy trên bàn trong buồng ngủ của M có một mảnh giấy bạc đã sử dụng B cầm mảnh giấy bạc đó lên chuẩn bị lấy gói Heroine mua của M ra sử dụng thì bị tổ công tác Công an huyện Phong Thổ vào kiểm tra. Thấy tổ công tác Triệu Tiến B vứt mảnh giấy bạc đi, tổ công tác thu được của B một gói nhỏ, bên ngoài gói là mảnh giấy bạc của bao thuốc lá gấp lại được cất trong bao thuốc lá Thăng Long cất ở túi áo khoác bên trái. Quá trình đang kiểm tra Triệu Tiến B thì Đồng Văn M về, thấy tổ công tác và được tổ công tác giới thiệu, vận động Đồng Văn M tự giao nộp một gói, bên ngoài được gói bằng mảnh giấy trắng có dòng kẻ màu xanh. Qua kiểm tra bên trong gói nhỏ của Triệu Tiến B và Đồng Văn M đều là chất bột khô, vón cục, màu trắng mà cả B và M đều khai nhận thống nhất là Heorine của M mua về sử dụng mà cụ thể gói Heroine thu giữ của B là do B mua của M, B mua để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị bắt giữ. Ngoài ra Đồng Văn M còn tự giao nộp 200.000 đồng mà B và M thống nhất khai trong đó có 100.000 đồng là tiền do M bán một gói Heroine cho B.

Tại bản kết luận giám định số: 68/GĐ-KTHS, ngày 09/01/2019 và số: 69/GĐ-KTHS, ngày 08/01/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận:*" Vật chứng thu giữ của Triệu Tiến B có khối lượng 0,1gam, Vật chứng thu giữ của Đồng Văn M có khối lượng 0,04gam. Mẫu vật thu giữ của Triệu Tiến B và Đồng Văn M gửi đến giám định là ma túy, loại Heroine....* không hoàn lại mẫu vật gửi đến giám định".

Với những tình tiết như trên, bản cáo trạng số: 16/CT-VKS, ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Đồng Văn M về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy*" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáoTriệu Tiến B về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận thống nhất đây là lần đầu tiên hai bị cáo trao đổi với nhau một gói Heroine với giá 100.000 đồng là hoàn toàn đúng; bị cáo M còn thừa nhận bản thân nghiện hút ma túy nên đi tìm mua ma túy về sử dụng và bán lẻ kiếm lời; bị cáo B vẫn khẳng định việc mua ma túy để sử dụng cho bản thân; toàn bộ lời khai nhận của các bị cáo về hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, các bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố

như bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đồng Văn M phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", bị cáo Triệu Tiến B phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như xem xét các tình tiết tặng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo Đại diện Viện kiểm sát cho rằng các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế văn hóa, xã hội khó khăn, hoàn cảnh gia đình đều thuộc hộ nghèo; bị cáo M phạm tội lần đầu không có tình tiết tăng nặng hoàn cảnh gia đình thuộc hộ nghèo, bản thân không được đi học, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế văn hóa xã hội khó khăn nên đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đồng Văn M từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền cho bị cáo; Còn bị cáo B có hai tiền án nhưng tiền án năm 1999 đã là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự ở tiền án năm 2010, do vậy căn cứ nguyên tắc có lợi của bộ luật hình sự nên lần phạm tội này bị cáo chỉ bị xác định có tình tiết tăng nặng tái phạm, hơn nữa cả bố và mẹ của bị cáo B đều là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên đề nghị áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Triệu Tiến B từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo; Đồng thời đề nghị giải quyết vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Cả hai bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định, nhất trí với luận tội, không có ý kiến tranh luận; các bị cáo có thái độ thành khẩn và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong vật chứng của vụ án, bản kết luận giám định số: 68/GĐ-KTHS, ngày 09/01/2019, số: 69/GĐ-KTHS, ngày 08/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu; lời khai của bị cáo B là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo M; các lời khai của các bị cáo còn trùng

khớp với các lời khai tại cơ quan điều tra đủ kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 04/01/2019, Triệu Tiến B, sinh năm 1969, thị trấn S, huyện Sìn Hồ đến nhà Đồng Văn M, sinh năm 1978, trú tại bản V, xã Mường So chơi và hỏi M có mua được Heroine thì M trả lời có, B đã đưa cho M 100.000 đồng và M đưa cho B một gói Heroine được gói bên ngoài là mảnh giấy bạc của bao thuốc lá gấp lại. Quá trình trao đổi mua bán diễn ra từ lúc M nhận tiền ở nhà cho đến khi cả hai cùng nhau ăn sáng xong ở quán ăn sáng tại thôn T, xã Mường So. Triệu Tiến B nhận được gói Heroine thì cất vào trong bao thuốc lá Thăng Long và cất giấu túi áo khoác bên trái đang mặc. Khoảng 09 giờ ngày 04/01/2019 khi Triệu Tiến B đang chuẩn bị sử dụng gói Heroine ở nhà của M lúc M không có nhà thì bị phát hiện thu giữ, gói Heroine của B có khối lượng 0,1gam; sau đó M cũng bị bắt giữ và thu được một gói Heroine có khối lượng 0,04gam. Theo M khai nhận số Heroine bán cho B là của M mua được từ một gói Heroine của anh L nhà ở xã Khổng Lào; sau khi sử dụng cho bản thân hai lần, số còn lại M chia làm hai gói một gói đã bán cho B, một gói bán cho một người tên là Đ, còn gói 0,04g Heroine thu của bị cáo M là do M mới nhờ được một người đàn ông dân tộc Dao mua hộ cũng nhằm mục đích sử dụng và ai hỏi mua thì bán.

Hành vi mua, cất giấu Heroine của bị cáo Đồng Văn M với mục đích bán và đã bán cho bị cáo B một gói Heroine chính là hành vi mua bán trái phép chất ma túy hoàn thành; do vậy bị cáo M phải chịu trách nhiệm hình sự chung đối với khối lượng Heroine thu giữ được của bị cáo và của bị cáo B. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân của bị cáo Triệu Tiến B không có mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất chính là hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Đây đều là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà nước ta; Bản thân các bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, nhận thức được tác hại của ma túy và hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo M, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo B đều bị pháp luật nghiêm cấm, trừng trị nhưng các bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Vậy, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Đồng Văn M phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, bị cáo Triệu Tiến B phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội cần chấp nhận; Cụ thể điều luật quy định:

Khoản 1 Điều 251: " *Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm"*

Khoản 1 Điều 249*: "Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

c) Heroine....có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05gam".

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là độc lập, riêng lẻ; hành vi của mỗi bị cáo đều cấu thành tội danh khác nhau nhưng tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra đều thuộc tội phạm nghiêm trọng, trong đó tội mua bán trái phép chất ma túy có tính

chất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội hơi hơn tội tàng trữ trái phép chất ma túy, nhưng cả hai loại tội phạm này đang được Đảng và Nhà nước ta nghiêm cấm trừng trị. Do vậy cần phải xử lý các bị cáo nghiêm bằng luật hình sự để giáo dục, cải tạo bị cáo, cũng như góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo đều sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội khó khăn, hoàn cảnh gia đình các bị cáo cũng đều khó khăn trong đó bị cáo M mới được học hết lớp 2 nên hạn chế về nhận thức là tình tiết giảm nhẹ cho cả hai bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Riêng bị cáo Triệu Tiến B có cả bố và mẹ đều là người có nhiều công lao trong chiến đấu, công tác như mẹ của bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì, bố của bị cáo được tặng thưởng bằng khen 10 năm xây dựng khu Tây Bắc, Huy chương 30 năm xây dựng tỉnh Lai Châu, Huy chương trong sự nghiệp bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa và Huân chương chống Mỹ cứu nước, như vậy bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đồng Văn M không có tình tiết tăng nặng; bị cáo Triệu Tiến B, nhân thân có hai tiền án chưa được xóa án tích, nhưng tại bản án năm 1999, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt về địa phương khi chưa được xóa án tích bị cáo đã phạm tội với tội phạm rất nghiêm trọng là tình tiết tái phạm nguy hiểm- tình tiết định khung tăng nặng trong tiền án 2010, như vậy tiền án năm 2010 không có tình tiết tăng nặng; Do vậy theo nguyên tắc chung có lợi cho người phạm tội của tinh thần Hiến pháp và Pháp luật đã là tình tiết định khung không là tình tiết tăng nặng, không suy luận làm xấu đi tình trạng của người phạm tội, một tình tiết định khung không áp dụng ở hai bản án nên bị cáo B được xác định *"đã phạm tội chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do lỗi cố ý*", vậy lần phạm tội này của bị cáo B thuộc trường hợp ***"tái phạm",*** là tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Cả hai bị cáo đều là những đối tượng nghiện hút ma túy; bên cạnh đó xét nguyên nhân phạm tội của các bị cáo có thể thấy cả hai bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, éo le: các bị cáo đều đã có vợ và bị vợ bỏ, bị cáo B có con đã trưởng thành nhưng không được các con chăm sóc, bị cáo đi chấp hành án về địa phương không nơi cư trú phải về chung sống với người em trai có hoàn cảnh kinh tế hộ nghèo nên càng chán nản dễ bị lôi kéo trở lại con đường nghiện hút ma túy để mà phạm tội; Bị cáo M có vợ nhưng vợ thường xuyên đi làm ăn xa để bị cáo phải một mình nuôi hai con còn quá nhỏ, hoàn cảnh kinh tế thuộc hộ nghèo nên cũng chán nản dễ bị lôi kéo nghiện hút, để có tiền tiếp tục sử dụng ma túy bị cáo đã phạm tội, bị cáo M có đơn xin giảm nhẹ hình phạt vì hoàn cảnh gia đình khó khăn phải nuôi hai con nhỏ đây cũng là tình tiết xem xét thêm cho bị cáo M khi lượng

hình. Với những nhận định về nhân thân và tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước ta vẫn cần buộc các bị cáo phải đi tập trung cải tạo một thời gian theo Điều 38 Bộ luật Hình sự; tuy nhiên cần cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nguyên nhân, điều kiện phạm tội của các bị cáo như bị cáo M phạm tội lần đầu nhưng tính chất nguy hiểm hơn, bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và có một tình tiết tăng nặng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo ít nguy hiểm hơn nên cho cả bị cáo mức hình phạt qua khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp như mức khởi điểm theo đề nghị của Kiểm sát viên cũng đủ để các bị cáo có thời gian cai nghiện được ma túy, sớm hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về vật chứng: Số Heroine thu giữ của các bị cáo đã gửi giám định hết chỉ một vỏ bao thuốc lá Thăng Long đã nhàu rách của bị cáo B cần tịch thu để tiêu hủy vì là vật không có giá trị sử dụng; đối với số tiền 200.000 đồng thu giữ của bị cáo Đồng Văn M, trong đó xác định 100.00 đồng là tiền do bán ma túy cho bị cáo Triệu Tiến B mà có cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, còn 100.000 đồng tiền bị cáo khai bán cho một người tên là Đ nhưng không biết tên, địa chỉ cụ thể để xác minh, ngoài lời khai của bị cáo không có chứng cứ khác chứng minh, do vậy Hội đồng xét xử xác định không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho bị cáo theo khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự (*vỏ bao thuốc lá và tiền có đặc điểm và hiện chuyển đến lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện như biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản và biên bản mở niêm phong tiền vật chứng cùng ngày 12/4/2019 giữa Công an huyện Phong Thổ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ).*

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân các bị cáo làm ruộng, hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung cho hai bị cáo theo khoản 5 Điều 249, khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về nguồn gốc ma túy: Bị cáo Đồng Văn M khai mua Heroine với Pờ Văn L, sinh năm 1971 ở bản K, xã K, huyện Phong Thổ, nhưng qua đối chất L khai nhận không bán Heroine cho M; bị cáo M còn khai nhờ một người dân tộc Dao không quen biết trực tiếp mua Heroine với Pờ Văn D, ở bản H, xã K; bị cáo M còn khai bán ma túy cho một đối tượng tên là Đ nhưng không biết tên địa chỉ cụ thể, những hành vi này chỉ có lời khai của bị cáo M không có chứng cứ nào khác chứng minh việc mua bán trên do vậy cơ quan điều tra không xử lý đối tượng L, người đàn ông dân tộc Dao, cũng như Pờ Văn D trong vụ án này và xác định bị cáo M không phạm tội 02 lần trở thuộc trường hợp khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ cần chấp nhận không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo đều thuộc thuộc hộ nghèo và tại phiên tòa có lời trình bày xin miễn án phí là có căn cứ theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố bị cáo Đồng Văn M phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma tuý*".

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đồng Văn M 0**2** (Hai) năm **06** (Sáu) tháng tù (khấu 06 ngày tạm giữ cho bị cáo). Vậy bị cáo còn phải chấp hành **02** (Hai) năm **05** (Năm) tháng **24** (Hai mươi bốn) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày đi thi hành án.

2/ Tuyên bố bị cáo Triệu Tiến B phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Triệu Tiến B 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù (khấu trừ 06 ngày bị tạm giữ cho bị cáo). Vậy bị cáo còn phải chấp hành **01** (Một) năm **05** (Năm) tháng **24** (Hai mươi bốn) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày đi thi hành án.

3/ Về hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 5 Điều 251, khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho cả hai bị cáo Đồng Văn M và Triệu Tiến B.

4/ Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Trả lại cho bị cáo Đồng Văn M 100.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Tịch thu 100.000 đồng của bị cáo Đồng Văn M để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu một vỏ bao thuốc lá Thăng Long đã nhàu rách của bị cáo Triệu Tiến B để tiêu hủy;

(Số tiền và vỏ bao thuốc lá hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện có đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản và biên bản mở niêm phong tiền vật chứng cùng ngày 12/4/2019, giữa cơ quan Công an huyện Phong Thổ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu).

5/Về án phí: Áp dụng Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đồng Văn M và bị cáo Triệu Tiến B.

6/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND hai cấp;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- CQĐT cùng cấp;
- Cơ quan THAHS;
- Nhà tạm giữ;
- Các bị cáo;
- THADS cùng cấp;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu
-Lưu: THA-HS

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà